



**CÔNG TY CỔ PHẦN BẢN ĐỒ
VÀ TRANH ẢNH GIÁO DỤC**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán	4
Các Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	5 - 6
• Báo cáo kết quả kinh doanh	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 22

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Bản đồ - Tranh ảnh Giáo khoa thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục theo Quyết định số 3286/QĐ-BGDĐT ngày 30/06/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102137109 ngày 02/01/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 3 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 15/06/2011

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 211/QĐ-TTGDHN ngày 25/5/2009 của Giám đốc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán ECI. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 16/6/2009.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 18.600.000.000 đồng

Vốn góp thực tế đến 31/12/2011: 18.600.000.000 đồng

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 45 Hàng Chuối, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: (84) 04.9711146 - 8213786
- Fax: (84) 04.9711404 - 8213786

Ngành nghề kinh doanh chính

- Biên soạn, in và phát hành bản đồ, tranh ảnh giáo dục, sách giáo dục, băng đĩa CDROM giáo dục, sách điện tử;
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị giáo dục phục vụ việc giảng dạy, học tập cho các ngành học, bậc học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học) và phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội (Trừ loại Nhà nước cấm);
- Kinh doanh các xuất bản phẩm được phép lưu hành (Trừ loại Nhà nước cấm);
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị dạy nghề, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm, nguyên liệu, vật tư phục vụ sản xuất thiết bị giáo dục;
- Thiết kế, tạo mẫu, chế bản điện tử các sản phẩm trong lĩnh vực giáo dục (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Kinh doanh thiết bị điện tử, tin học phục vụ dạy và học trong nhà trường;
- Kinh doanh nguyên vật liệu, thiết bị ngành in;
- Môi giới thương mại và quảng cáo thương mại.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 44 người. Trong đó, nhân viên gián tiếp là 8 người.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập các Báo cáo tài chính này gồm có:

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị

• Bà Nguyễn Thị Hồng Loan	Chủ tịch	Bổ nhiệm lại ngày 23/05/2011
• Ông Trần Ngọc Bê	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 23/05/2011
• Ông Lê Phú	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 23/05/2011
• Bà Đặng Thị Như	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 23/05/2011
• Ông Phan Trung Phương	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 23/05/2011
• Bà Đỗ Thị Phương	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 03/10/2008 Miễn nhiệm ngày 23/05/2011
• Ông Phạm Nhiều	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 03/10/2008 Miễn nhiệm ngày 23/05/2011

Ban Kiểm soát

• Ông Phạm Văn Hải	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 03/10/2008
• Bà Nguyễn Thị Giáng Hương	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 03/10/2008
• Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 18/4/2009

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

• Bà Nguyễn Thị Hồng Loan	Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 23/05/2011
• Ông Lê Phú	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/01/2007
• Bà Đặng Thị Như	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 08/02/2010

Kiểm toán độc lập

Các Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính 217 Nguyễn Văn Linh, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập các Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập các Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục.

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

điểm 31/12/2011 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Thay mặt Ban Giám đốc
Giám đốc

Nguyễn Thị Hồng Loan
Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2012



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
THÀNH VIÊN QUỐC TẾ CỦA POLARIS INTERNATIONAL

Trụ sở chính
217 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 5 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: /BCKT-AAC

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 02 năm 2012

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi: Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các Cổ đông
Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục**

Chúng tôi đã kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2011, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 02/01/2012 của Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 5 đến trang 22. Các Báo cáo tài chính này được lập theo Chế độ kế toán Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty và của Kiểm toán viên

Việc lập các Báo cáo tài chính này là trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là dựa trên các bằng chứng kiểm toán để đưa ra ý kiến độc lập của mình về tính trung thực và hợp lý của các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Theo đó, chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong các Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của mình.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên mọi khía cạnh trọng yếu thì các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2011 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

KT. Tổng Giám đốc

Nguyễn Trọng Hiếu
Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ KTV số 0391/KTV

Trần Thị Nở
Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số 1135/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		32.561.844.345	29.750.490.161
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		5.689.581.471	8.177.096.620
1. Tiền	111	5	2.666.112.026	5.177.096.620
2. Các khoản tương đương tiền	112	6	3.023.469.445	3.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		30.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	7	30.000.000	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		17.704.124.824	12.557.635.035
1. Phải thu khách hàng	131		18.025.035.338	13.010.944.007
2. Trả trước cho người bán	132		13.741.951	13.498.459
3. Các khoản phải thu khác	135	8	32.225.752	61.736.189
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	9	(366.878.217)	(528.543.620)
IV. Hàng tồn kho	140		8.932.246.708	8.805.370.753
1. Hàng tồn kho	141	10	10.241.565.215	9.881.954.930
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.309.318.507)	(1.076.584.177)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		205.891.342	210.387.753
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		167.699.674	194.949.067
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	11	1.168.068	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	12	37.023.600	15.438.686
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		643.340.115	781.274.721
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		643.340.115	780.410.164
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	643.340.115	780.410.164
- Nguyên giá	222		2.919.820.528	2.880.110.811
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.276.480.413)	(2.099.700.647)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	-	-
- Nguyên giá	228		35.000.000	35.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(35.000.000)	(35.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	864.557
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	-	864.557
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		33.205.184.460	30.531.764.882

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		9.775.036.110	6.503.807.116
I. Nợ ngắn hạn	310		9.736.758.265	6.471.668.628
1. Phải trả người bán	312		5.119.578.756	3.795.893.289
2. Người mua trả tiền trước	313		35.545.148	92.521.531
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	958.738.800	1.094.716.559
4. Phải trả người lao động	315		2.063.785.311	1.248.926.113
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	17	1.312.061.023	176.146.136
6. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		85.512.000	63.465.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		161.537.227	-
II. Nợ dài hạn	330		38.277.845	32.138.488
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		38.277.845	32.138.488
2. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		23.430.148.350	24.027.957.766
I. Vốn chủ sở hữu	410		23.430.148.350	24.027.957.766
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	18	18.600.000.000	18.600.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	414	18	(726.105.307)	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	417	18	1.322.620.858	1.322.620.858
4. Quỹ dự phòng tài chính	418	18	570.095.848	391.122.006
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	18	3.663.536.951	3.714.214.902
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		33.205.184.460	30.531.764.882

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hồng Loan

Đặng Thị Như

Ngô Thị Hương Giang

Hà Nội, ngày 02 tháng 01 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
1. Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	01	19	56.400.280.079	50.437.320.112
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19	359.832.928	433.750.059
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	19	56.040.447.151	50.003.570.053
4. Giá vốn hàng bán	11	20	42.585.831.178	37.042.733.577
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		13.454.615.973	12.960.836.476
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	248.848.905	299.090.327
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		4.502.300.881	3.981.580.771
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.458.484.934	4.405.558.307
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.742.679.063	4.872.787.725
11. Thu nhập khác	31	22	38.185.762	31.476.314
12. Chi phí khác	32	23	37.669.433	79.667.143
13. Lợi nhuận khác	40		516.329	(48.190.829)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	24	4.743.195.392	4.824.596.896
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	861.567.512	1.245.120.057
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	24	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	24	3.881.627.880	3.579.476.839
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	2.097	1.924

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hồng Loan

Đặng Thị Như

Ngô Thị Hương Giang

Hà Nội, ngày 02 tháng 01 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	56.461.343.258	50.509.297.449
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(50.423.812.373)	(42.840.111.190)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(3.795.122.692)	(3.871.531.986)
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(800.195.526)	(1.006.713.572)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	384.424.134	483.992.487
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(1.435.344.390)	(1.617.870.954)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	391.292.411	1.657.062.234
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(139.666.000)	(128.884.500)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(30.000.000)	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	-	5.200.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	251.371.801	298.091.019
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	81.705.801	174.406.519
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền chi trả VG cho các CSH, mua lại CP của DN đã PH	32	(726.105.307)	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.234.408.054)	(2.229.591.946)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.960.513.361)	(2.229.591.946)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(2.487.515.149)	(398.123.193)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	8.177.096.620	8.575.219.813
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.689.581.471	8.177.096.620

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hồng Loan

Đặng Thị Như

Ngô Thị Hương Giang

Hà Nội, ngày 02 tháng 01 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Bản đồ - Tranh ảnh Giáo khoa thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục theo Quyết định số 3286/QĐ-BGDĐT ngày 30/06/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102137109 ngày 02/01/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 3 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 15/06/2011

Ngành nghề kinh doanh chính

- Biên soạn, in và phát hành bản đồ, tranh ảnh giáo dục, sách giáo dục, băng đĩa CDROM giáo dục, sách điện tử;
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị giáo dục phục vụ việc giảng dạy, học tập cho các ngành học, bậc học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học) và phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội (Trừ loại Nhà nước cấm);
- Kinh doanh các xuất bản phẩm được phép lưu hành (Trừ loại Nhà nước cấm);
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị dạy nghề, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm, nguyên liệu, vật tư phục vụ sản xuất thiết bị giáo dục;
- Thiết kế, tạo mẫu, chế bản điện tử các sản phẩm trong lĩnh vực giáo dục (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Kinh doanh thiết bị điện tử, tin học phục vụ dạy và học trong nhà trường;
- Kinh doanh nguyên vật liệu, thiết bị ngành in;
- Môi giới thương mại và quảng cáo thương mại.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.2 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh. Các tài khoản có số dư ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và đánh giá lại số dư cuối năm của khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong năm.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty thực hiện trích khấu hao nhanh gấp hai lần đối với tất cả tài sản là thiết bị dụng cụ quản lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị dụng cụ quản lý	1,5

4.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của phần mềm máy tính được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty thực hiện trích khấu hao nhanh gấp hai lần đối với phần mềm máy tính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm máy tính	1,5

4.7 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.9 Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho khoảng thời gian người lao động làm việc tại Công ty tính đến thời điểm 31/12/2008. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là từ 1% đến 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm được Công ty trích lập theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/08/2003 của Bộ Tài chính.

4.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.11 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế được trích lập các quỹ và chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông.

4.12 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.13 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

4.14 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 25%. Ngoài ra, Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2011 theo Nghị quyết số 08/2011/QH13 ngày 06 tháng 8 năm 2011 của Quốc hội về ban hành bổ sung một số giải pháp về thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho Doanh nghiệp và cá nhân.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Thuế GTGT:
 - Đối với hoạt động bán nẹp treo bản đồ: Áp dụng thuế suất 10%
 - Đối với hoạt động sách tranh và thiết bị giáo dục: Áp dụng mức thuế suất 5%
 - Đối với hoạt động bán bản đồ, atlas, tranh ảnh giáo dục, đĩa CD-Rom: Thuộc đối tượng không chịu thuế.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

5. Tiền

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tiền mặt	115.654.000	360.156.000
Tiền gửi ngân hàng	2.550.458.026	4.816.940.620
Cộng	2.666.112.026	5.177.096.620

6. Các khoản tương đương tiền

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng	3.023.469.445	3.000.000.000
Cộng	3.023.469.445	3.000.000.000

7. Đầu tư ngắn hạn

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Cho cá nhân vay kỳ hạn 9 tháng	30.000.000	-
Cộng	30.000.000	-

8. Các khoản phải thu khác

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu	18.189.433	20.712.329
Phải thu khác	14.036.319	41.023.860
Cộng	32.225.752	61.736.189

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

9. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Dự phòng nợ phải thu quá hạn trên 3 năm	6.661.780	122.809.107
Dự phòng nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến 3 năm	38.290.596	-
Dự phòng nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến 2 năm	186.010.135	-
Dự phòng nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	135.915.706	405.734.513
Cộng	366.878.217	528.543.620

10. Hàng tồn kho

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Hàng mua đang đi đường	21.577.013	180.572.168
Nguyên liệu, vật liệu	28.543.253	57.800.431
Chi phí SX, KD dở dang	3.818.074	74.973.595
Thành phẩm	7.674.992.671	7.401.313.768
Hàng hóa	2.512.634.204	2.167.294.968
Cộng	10.241.565.215	9.881.954.930

11. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Thuế thu nhập cá nhân tạm nộp	1.168.068	-
Cộng	1.168.068	-

12. Tài sản ngắn hạn khác

20. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	230.659.472	299.090.327
Lãi dự thu	41.658.878	-
Cộng	272.318.350	299.090.327

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số đầu năm	342.503.748	1.263.270.428	1.274.336.635	2.880.110.811
Mua sắm trong năm	-	-	126.969.091	126.969.091
Giảm trong năm	-	-	87.259.374	87.259.374
Số cuối năm	342.503.748	1.263.270.428	1.314.046.352	2.919.820.528
Khấu hao				
Số đầu năm	342.503.748	555.306.275	1.201.890.624	2.099.700.647
Khấu hao trong năm	-	154.464.900	109.574.240	264.039.140
Giảm trong năm	-	-	87.259.374	87.259.374
Số cuối năm	342.503.748	709.771.175	1.224.205.490	2.276.480.413
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	-	707.964.153	72.446.011	780.410.164
Số cuối năm	-	553.499.253	89.840.862	643.340.115

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2011: 1.864.222.746 đồng.

Nguyên giá tài sản cố định không cần sử dụng cuối năm chờ thanh lý tại ngày 31/12/2011: 415.951.562 đồng.

Không có tài sản cố định mang cầm cố thế chấp tại ngày 31/12/2011

14. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm Kế toán VND	Phần mềm phát hành VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số đầu năm	15.000.000	20.000.000	35.000.000
Mua trong năm	-	-	-
Số cuối năm	15.000.000	20.000.000	35.000.000
Khấu hao			
Số đầu năm	15.000.000	20.000.000	35.000.000
Khấu hao trong năm	-	-	-
Số cuối năm	15.000.000	20.000.000	35.000.000
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	-	-
Số cuối năm	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

15. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tem chống in lậu	-	864.557
Cộng	-	864.557

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	861.567.512	800.195.526
Thuế thu nhập cá nhân	97.171.288	294.521.033
Cộng	958.738.800	1.094.716.559

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Kinh phí công đoàn	79.337.977	44.138.082
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.232.723.046	132.008.054
- Thù lao HĐQT & BKS	118.300.000	129.600.000
- Cổ tức phải trả	1.056.000.000	2.408.054
- Thuế thu nhập cá nhân thu thừa	30.847.728	-
- Phải trả khác	27.575.318	-
Cộng	1.312.061.023	176.146.136

18. Vốn chủ sở hữu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND
Số dư tại 01/01/2010	18.600.000.000	-	977.805.013	391.122.006	2.711.553.908
Tăng trong năm	-	-	344.815.845	-	3.579.476.839
Giảm trong năm	-	-	-	-	2.576.815.845
Số dư tại 31/12/2010	18.600.000.000	-	1.322.620.858	391.122.006	3.714.214.902
Số dư tại 01/01/2011	18.600.000.000	-	1.322.620.858	391.122.006	3.714.214.902
Tăng trong năm	-	(726.105.307)	-	178.973.842	3.881.627.880
Giảm trong năm	-	-	-	-	3.932.305.831
Số dư tại 31/12/2011	18.600.000.000	(726.105.307)	1.322.620.858	570.095.848	3.663.536.951

b. Cổ phiếu

	31/12/2011 Cổ phiếu	31/12/2010 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.860.000	1.860.000
- Cổ phiếu thường	1.860.000	1.860.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đã mua lại		
- Cổ phiếu thường	100.000	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.760.000	1.860.000
- Cổ phiếu thường	1.760.000	1.860.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	3.714.214.902	2.711.553.908
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	3.881.627.880	3.579.476.839
Các khoản giảm lợi nhuận sau thuế	3.932.305.831	2.576.815.845
Các khoản giảm lợi nhuận sau thuế năm trước	2.876.305.831	2.576.815.845
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	344.815.845
- Trích quỹ dự phòng tài chính	178.973.842	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	465.331.989	-
- Chia cổ tức	2.232.000.000	2.232.000.000
Các khoản giảm lợi nhuận sau thuế năm nay	1.056.000.000	-
- Cổ tức đã chốt quyền chia ngày 28/12/2011	1.056.000.000	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	3.663.536.951	3.714.214.902

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

19. Doanh thu

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Tổng doanh thu	56.400.280.079	50.437.320.112
+ Doanh thu bán sách tham khảo	156.476.538	316.914.493
+ Doanh thu bán đồ tranh ảnh giáo dục	38.551.246.794	36.055.493.933
+ Doanh thu phim, băng đĩa	279.391.610	477.402.960
+ Doanh thu thiết bị giáo dục	16.917.482.348	13.525.917.703
+ Doanh thu khác	495.682.789	61.591.023
Các khoản giảm trừ doanh thu	359.832.928	433.750.059
+ Chiết khấu thương mại	212.549.118	173.497.665
+ Giảm giá hàng bán	-	948.600
+ Hàng bán bị trả lại	147.283.810	259.303.794
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	56.040.447.151	50.003.570.053

20. Giá vốn hàng bán

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Giá vốn sách tham khảo	146.346.473	172.442.504
Giá vốn bán đồ, tranh ảnh giáo dục	27.297.427.501	24.632.538.719
Giá vốn phim, băng, đĩa	200.800.803	296.821.209
Giá vốn thiết bị giáo dục	14.850.452.493	11.879.397.024
Giá vốn hoạt động khác	90.803.908	61.534.121
Cộng	42.585.831.178	37.042.733.577

21. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	248.848.905	299.090.327
Cộng	248.848.905	299.090.327

22. Thu nhập khác

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Vật tư, hàng hóa thừa sau kiểm kê	37.980.082	25.894.054
Hàng lưu chiều nhập lại vào kho	-	4.980.828
Các khoản thu nhập khác	205.680	601.432
Cộng	38.185.762	31.476.314

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

23. Chi phí khác

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Giá trị hàng hóa thiệt hại do thiên tai	-	55.280.550
Chênh lệch công nợ	-	4.651.690
Xử lý hàng thiếu	36.486.418	19.384.903
Các khoản chi phí khác (án phí, phạt thuế)	1.183.015	350.000
Cộng	37.669.433	79.667.143

24. Chi phí thuế TNDN hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong năm

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.743.195.392	4.824.596.896
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	73.398.000	155.883.333
Điều chỉnh tăng	73.398.000	155.883.333
- Chi phí không hợp lệ	16.998.000	-
- Thù lao HĐQT & BKS	56.400.000	-
Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	4.816.593.392	4.980.480.229
Trong đó thu nhập từ hoạt động tài chính	248.848.905	299.090.327
Thuế thu nhập doanh nghiệp (25%)	1.204.148.348	1.245.120.057
- Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm 30% (*)	342.580.836	-
- Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	861.567.512	1.245.120.057
Lợi nhuận sau thuế TNDN	3.881.627.880	3.579.476.839

(*) Thuế TNDN năm 2011 được giảm 30% theo Nghị quyết số 08/2011/QH13 ngày 06 tháng 8 năm 2011 của Quốc hội

25. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.881.627.880	3.579.476.839
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
LN hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	3.881.627.880	3.579.476.839
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.851.173	1.860.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.097	1.924

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

26. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	20.958.354.598	22.481.068.397
Chi phí nhân công	4.709.183.330	3.230.538.481
Chi phí khấu hao tài sản cố định	264.039.140	288.874.729
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.734.875.159	2.584.433.538
Chi phí khác bằng tiền	2.044.852.941	2.939.928.721
Cộng	30.711.305.168	31.524.843.866

27. Báo cáo bộ phận

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Doanh thu bán hàng Miền Bắc	33.676.180.163	28.784.343.322
Doanh thu bán hàng Miền Trung	5.849.338.960	7.424.848.948
Doanh thu bán hàng Miền Nam	16.514.928.028	13.794.377.783
Cộng	56.040.447.151	50.003.570.053

28. Các bên liên quan

a. Thông tin các bên liên quan

Công ty liên quan

Mối quan hệ

Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Việt Nam
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng
Công ty CP Sách giáo dục tại TP. Đà Nẵng
Công ty CP Sách giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh
Công ty CP Học liệu
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội
Công ty CP Sách và thiết bị trường học TP. Hồ Chí Minh

Công ty đầu tư
Công ty đầu tư
Công ty đầu tư
Chung Công ty đầu tư
Chung Công ty đầu tư
Chung Công ty đầu tư
Chung Công ty đầu tư
Chung Công ty đầu tư

b. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Mua hàng			
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Việt Nam	Mua tem chống in lậu	72.280.000	136.766.000
Công ty Cổ phần Học liệu Giáo dục	Mua đĩa các loại	192.450.000	546.863.600
Công ty CP Sách và TBTH TP. Hồ Chí Minh	Mua thiết bị giáo dục	5.264.804.648	5.511.086.009
Công ty Cổ phần In SGK tại Hà Nội	In tranh ảnh, bản đồ	3.150.023.213	3.401.253.350
Bán hàng			
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Việt Nam	Bán bản đồ, tranh ảnh, STK	66.808.272	192.500.000
Công ty CP Sách giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Bán bản đồ, tranh ảnh, STK	3.722.656.896	3.992.052.680
Công ty CP Sách giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Bán bản đồ, tranh ảnh, STK	4.526.977.376	3.676.215.160
Công ty CP Học liệu	Bán bản đồ, tranh ảnh, STK	3.042.127.228	3.386.306.448
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội	Bán bản đồ, tranh ảnh, STK	232.900.100	287.736.300
Công ty CP Sách và TBTH TP. Hồ Chí Minh	Bán bản đồ, tranh ảnh, STK	1.493.930.560	1.252.883.360

c. Số dư các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan tại ngày 31/12/2011

Công ty liên quan	Nội dung	Nợ phải trả VND	Nợ phải thu VND
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Việt Nam	Phải thu tiền hàng	-	73.750.952
Công ty CP Sách giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Phải thu tiền hàng	-	600.234.320
Công ty CP Sách giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Phải thu tiền hàng	-	1.435.012.067
Công ty CP Học liệu	Phải thu tiền hàng	-	1.697.234.615
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội	Phải thu tiền hàng	-	892.980
Công ty CP Sách và TBTH TP. Hồ Chí Minh	Phải trả tiền hàng	1.254.310.073	-
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Phải trả tiền hàng	287.154.260	-
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Phải trả tiền hàng	34.463.500	-

29. Cổ tức

Đại hội cổ đông thường niên ngày 23/05/2011 đã quyết định cổ tức năm 2010 là 12%/Vốn điều lệ. Theo đó, Công ty đã trả toàn bộ cổ tức của năm 2010 trong 6 tháng đầu năm 2011, số tiền: 2.232.000.000 đồng.

Công ty đã công bố chốt danh sách cổ đông hưởng cổ tức đợt 1 năm 2011 vào ngày 28/12/2011. Tỷ lệ cổ tức là 6%/vốn điều lệ. Ngày chi trả cổ tức là 16/01/2012

30. Sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

31. Số liệu so sánh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 đã được kiểm toán bởi AAC.

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hồng Loan

Đặng Thị Như

Ngô Thị Hương Giang

Hà Nội, ngày 02 tháng 01 năm 2012